



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Auditing & Informatic Services Company Limited

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG
SÀI GÒN**

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-29
7. PHỤ LỤC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	30-31

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300542187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 27 tháng 05 năm 2011.

Là Doanh nghiệp chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty thiết bị phụ tùng thành phố Hồ Chí Minh, số ĐKKD 102779 do Trọng tài Kinh tế cấp ngày 15/06/1993.

Tên giao dịch: SAIGON MACHINERY SPARE PARTS JOINT STOCK COMPANY (Viết tắt: MACHINCO).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 81 Phan Đăng Lưu, P7, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Công ty có các Xí nghiệp và Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Chi nhánh Hà Nội; Địa chỉ chi nhánh: Số 6 N7, tổ 80C, P. Khương Trung, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội.

Xí nghiệp Xây dựng Thương mại; Địa chỉ: Số 81 Phan Đăng Lưu, P7, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM.

Xí nghiệp Xây Lắp Thương Mại Công Nghiệp; Địa chỉ: 440/73, Nguyễn Kiệm, P3, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

Xí nghiệp Dịch vụ Thương Mại; Địa chỉ: Phòng 204, Lầu 2, Số 81, Phan Đăng Lưu, P7, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM.

Xí nghiệp Kinh doanh Vật Tư và Thiết Bị Phụ Tùng; Địa chỉ: Số 81 Phan Đăng Lưu, P7, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM.

Xí nghiệp Sửa chữa và Kinh doanh Vật tư; Địa chỉ: 300/14 Nguyễn Văn Linh, P. Bình Thuận, Q7, Tp. HCM.

Xí nghiệp Dịch vụ Xăng dầu; Địa chỉ: ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, Bến Cầu, Tây Ninh.

Chi nhánh Nhà máy Thủy điện Đak Glun; Địa chỉ: Ấp 6, Xã Minh Hưng, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước.

Hoạt động chính của Công ty:

- Xây dựng dân dụng; Xây dựng công trình giao thông; Xây dựng công nghiệp, thủy lợi, đầu tư xây dựng khu du lịch; Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình, thiết kế quy hoạch, giám sát thi công, khảo sát xây dựng); Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Đại lý xăng dầu; Bán buôn đồ uống.

- Mua bán máy các loại, phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng, phụ tùng. Mua bán tàu thủy, thiết bị đồng bộ phục vụ công nghiệp. Mua bán vật tư. Mua bán trang thiết bị y tế; Mua bán thiết bị bưu chính, viễn thông; Mua bán vật tư cho sản xuất, hàng công nghiệp. Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán kim loại màu; Mua bán linh kiện đồng bộ phục vụ sản xuất và phục vụ bảo dưỡng sửa chữa; Mua bán vật liệu xây dựng, đồ gỗ; Mua bán hàng điện lạnh. Mua bán mỹ phẩm;

- Mua bán hàng may mặc; Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); Khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở); Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Môi giới vận tải. Đại lý vận tải đường biển. Đại lý bán vé máy bay, ô tô, tàu hỏa; Dịch vụ bảo dưỡng; Dịch vụ sửa chữa (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kinh doanh bất động sản. San lấp mặt bằng, tháo dỡ công trình; Cho thuê nhà xưởng, kho, bãi, văn phòng. Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê; Cho thuê máy móc, thiết bị; Mua bán ô tô; Mua bán xe máy; Đầu tư xây dựng công trình thủy điện; Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và sản phẩm bằng kim loại; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Sản xuất đá mài, đá cắt (không hoạt động tại trụ sở);

- Mua bán nông - lâm - sản (Thực hiện đúng theo Quyết định số 64/2009/QĐ - UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh). Chế biến nông, lâm, hải sản (không hoạt động tại trụ sở); Trồng cây hồ tiêu; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng, chăm sóc rừng lấy gỗ; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê.

Mã chứng khoán niêm yết: SMA

Trụ sở chính: Số 81 Phan Đăng Lưu, P7, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc :

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đình Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Hưng	Phó Chủ tịch
Ông Trần Đức Phú	Thành viên
Ông Đào Xuân Quý	Thành viên
Bà Lê Thị Phương Mai	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thanh Tâm	Trưởng ban
Ông Hồ Văn Hiệp	Thành viên
Ông Phan Quang Thông	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Hiền	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Hữu Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Xuân Quý	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Phương Mai	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc

Bãi nhiệm từ Tháng 7/2011

Kế toán trưởng

Bà Đoàn Thị Kim Khánh

4. Các thông tin khác

Ngày 19 tháng 10 năm 2010, Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn được Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh. Số lượng niêm yết 8.060.000 cổ phiếu. Mệnh giá 10.000 đồng/cp.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ, của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán đã được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đình Hiền

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 06.11.432/AISC-DN6

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN**

Kính gửi:

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
Công ty Cổ phần Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn.**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG SÀI GÒN tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2012

KIỂM TOÁN VIÊN

Phan Thị Mỹ Huệ

Số chứng chỉ KTV: 0536/KTV

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trương Diệu Thúy

Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ha Noi : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi

Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0048

Email: aisc@hanoi.vn

Branch in Da Nang : 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang

Tel : (0511) 371 5619

Fax : (0511) 371 5620

Email: aisc@dtg.vnn.vn

Representative in Can Tho : 5Đ, 30/4 St. - Ninh Kiều Dist - Can Tho City

Tel : (0710) 3813 004

Fax : (0710) 3828 765

Representative in Hai Phong : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hong Bang Dist, Hai Phong

Tel : (031) 3569 577

Fax : (031) 3569 576

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		347.244.294.999	317.057.117.799
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	13.777.654.945	32.342.263.758
1. Tiền	111		13.777.654.945	32.342.263.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	400.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	400.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	245.119.592.220	216.829.650.616
1. Phải thu của khách hàng	131		210.750.251.195	154.573.255.296
2. Trả trước cho người bán	132		28.074.948.963	51.108.151.742
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		6.883.002.171	11.148.243.578
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(588.610.109)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	84.762.064.781	52.703.193.613
1. Hàng tồn kho	141		84.762.064.781	52.703.193.613
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.584.983.053	14.782.009.812
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.632.000	26.532.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.175.742.057	3.395.457.009
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.392.608.996	11.360.020.803

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		491.512.255.948	339.530.078.584
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		491.045.593.948	338.790.088.584
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	4.802.503.812	5.974.132.147
- Nguyên giá	222		17.424.096.573	18.866.466.355
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.621.592.761)	(12.892.334.208)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	20.100.000.000	-
- Nguyên giá	228		20.100.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	466.143.090.136	332.815.956.437
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	466.662.000	739.990.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		999.990.000	999.990.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(533.328.000)	(260.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		838.756.550.947	656.587.196.383

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		732.183.135.895	562.066.081.590
I. Nợ ngắn hạn	310		337.572.378.725	216.436.074.420
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	157.586.813.348	82.497.660.660
2. Phải trả cho người bán	312		121.183.632.095	77.878.072.551
3. Người mua trả tiền trước	313		20.584.276.400	20.516.616.796
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	2.980.855.613	3.960.057.837
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.12	26.814.138.109	13.622.071.416
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	7.861.230.664	16.441.742.664
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		561.432.496	1.519.852.496
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		394.610.757.170	345.630.007.170
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	394.580.750.000	345.600.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		30.007.170	30.007.170
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		106.573.415.052	94.521.114.793
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	106.573.415.052	94.521.114.793
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.600.000.000	80.600.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		365.305.528	313.371.704
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.500.393.474	9.500.393.474
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.045.264.541	4.045.264.541
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		62.085.074	62.085.074
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.000.366.435	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		838.756.550.947	656.587.196.383

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại	V. 1	-	-
- USD		24.466,83	33.895,58
- JPY		105.123,00	105.123,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Kim Khánh

Phó Tổng Giám đốc



Lê Thị Phương Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 16	570.778.669.957	583.151.470.498
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 17	1.318.028.298	183.721.972
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 18	569.460.641.659	582.967.748.526
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 19	527.907.251.098	539.637.985.045
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		41.553.390.561	43.329.763.481
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	27.352.717.387	26.419.494.039
7. Chi phí tài chính	22	VI. 21	33.106.688.805	22.683.849.579
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.079.983.204	18.936.190.514
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.663.487.317	20.611.466.660
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		16.135.931.826	26.453.941.281
11. Thu nhập khác	31	VI.22	1.484.648.311	498.221.536
12. Chi phí khác	32	VI. 23	1.615.746.499	490.663.971
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(131.098.188)	7.557.565
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.004.833.638	26.461.498.846
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.24	4.004.467.203	6.619.358.047
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.000.366.435	19.842.140.799
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.26	1.489	2.462

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Đoàn Thị Kim Khánh



Lê Thị Phương Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01	575.604.027.718	516.667.780.839
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(595.651.233.978)	(467.886.909.368)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.775.022.212)	(5.113.385.863)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(25.166.639.701)	(10.714.533.149)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.254.020.818)	(4.378.644.681)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	181.994.561.741	34.272.292.103
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(141.864.520.913)	(47.140.717.161)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(16.112.848.163)	15.705.882.720
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(149.805.096.097)	(306.886.437.075)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.017.272.728	9.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	408.000.000	20.000.000.000
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	-	(12.500.000.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	-	37.500.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	26.979.614.842	1.212.397.614
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(121.400.208.527)	(280.664.948.552)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	469.372.288.878	476.713.445.846
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(343.852.724.780)	(198.784.138.769)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.557.492.430)	(7.499.520.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	118.962.071.668	270.429.787.077

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(18.550.985.022)	5.470.721.245
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.342.263.758	26.871.542.513
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(13.623.791)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	<u>13.777.654.945</u>	<u>32.342.263.758</u>

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Kim Khánh

Phó Tổng Giám đốc



Lê Thị Phương Mai